

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 5 - 2018
V/v tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

2. Ông Đinh Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Kh, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh H.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Y, xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt anh Khóa, vắng mặt chị Huyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 09 tháng 11 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Trần Văn Kh trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 4 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh H. Sau ngày cưới vợ chồng cùng nhau chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh ở thôn S, xã N, huyện K, tỉnh H đến khoảng năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi chửi nhau, nên khoảng cuối năm 2012 chị H đã bỏ anh về nhà bố mẹ đẻ chị H tại thôn Y, xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam để ở nhờ và vợ chồng cũng sống ly thân nhau từ đó. Trong thời gian chị H bỏ về nhà ngoại, anh có đến thuyết phục gọi

chị H trở về chung sống, nhưng chị H không về. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm giữa vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ rất lâu, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Tại biên bản lấy khai chị H ngày 08 tháng 02 năm 2018, bị đơn là chị Nguyễn Thị H xác nhận và trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như anh Kh đã khai. Tuy nhiên về thời gian xảy ra mâu thuẫn không đúng như anh Kh trình bày, mà sau ngày cưới vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì đã xảy ra mâu thuẫn, nhưng vì thương con, chị đã cố gắng chịu đựng để mong hàn gắn được tình cảm vợ chồng, song mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra, vì vậy khoảng cuối năm 2012 chị đã bỏ anh Kh về nhà ngoại để sinh sống, vợ chồng chị cũng chính thức ly thân nhau từ đó. Nay chị xác định tình cảm giữa vợ chồng không còn, nhưng vì các con chị không đồng ý ly hôn với anh Kh.

Về con cái: Anh Kh và chị H thống nhất xác nhận, vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Kiều Tr, sinh ngày 12/8/2006; cháu Trần Kiều Hoa M, sinh ngày 26/01/2009 và cháu Trần Gia B, sinh ngày 29/9/2013, hiện cháu M đang ở với anh Kh, cháu Tr và cháu B đang ở với chị H. Khi ly hôn cả hai thống nhất giao cháu M cho anh Kh, giao cháu Tr và cháu B cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ nay cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về con riêng; tài sản chung, riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp và công nợ: Anh Kh và chị H đều trình bày, cho đến nay vợ chồng không ai có con riêng; vợ chồng không có tài sản chung, riêng gì; không đóng góp được tài sản, công sức gì đối với hai bên gia đình; không được địa phương giao chung đất ruộng cấy; vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng. Khi ly hôn cả hai không yêu cầu Tòa án phải xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Khóa vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, không thay đổi, bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Kh. Xử lý hôn giữa anh Trần Văn Kh và chị Nguyễn Thị H. Anh Kh được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Kiều Hoa M, sinh ngày 26/01/2009; chị H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Kiều Tr, sinh ngày 12/8/2006 và cháu Trần Gia B, sinh ngày

29/9/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; ngoài ra còn đề nghị về án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 04/12/2017, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã thụ lý vụ án và gửi Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho các đương sự, nhưng chị Nguyễn Thị H là bị đơn không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự, nhưng chị H không đến Tòa án để làm việc, nên Tòa án đã phối hợp cùng đại diện UBND xã N đến lấy lời khai tại nhà chị H, sau đó đã niêm yết công khai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị H vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã tổng đạt hợp lệ cho đương sự, nhưng chị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên phải hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa, nhưng chị H lại tiếp tục vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Kh và chị Nguyễn Thị H lấy nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 4 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh H. Phải khẳng định đây là cuộc hôn nhân tự do, tiến bộ, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau ngày cưới, vợ chồng đã có thời gian dài cùng nhau chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng chỉ vì những va chạm nhỏ trong cuộc sống mà vợ chồng không tự hóa giải được, dẫn đến thường xuyên to tiếng, cãi chửi nhau, từ đó làm rạn nứt tình cảm vợ chồng, khiến hai bên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Nên khoảng cuối năm 2012, chị H đã bỏ anh Kh về nhà bố mẹ đẻ chị H tại thôn thôn Y, xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam để ở nhờ và vợ chồng cũng chính thức ly thân nhau từ đó, hai bên không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau; chứng tỏ cuộc hôn nhân giữa anh Kh và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Kh là có cơ sở, việc chị H xin đoàn tụ với lý do vì thương các con chỉ là cái cớ để gây khó khăn, cản trở cho anh Kh trong quá

trình giải quyết vụ án, vì từ khi vợ chồng sống ly thân, chị H không có biện pháp nào để nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhất là từ khi Tòa án giải quyết vụ án cho đến nay; nếu chị H mong muốn được đoàn tụ thì khi Tòa án thông báo hòa giải, chị H phải có mặt để trình bày quan điểm của mình, nên không có cơ sở để chấp nhận lời đề nghị của chị H. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Kh đối với chị H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Kh, chị H có 03 con chung là cháu Trần Kiều Tr, sinh ngày 12/8/2006; cháu Trần Kiều Hoa M, sinh ngày 26/01/2009 và cháu Trần Gia B, sinh ngày 29/9/2013. Khi ly hôn cả hai thống nhất giao cháu M cho anh Kh, giao cháu Tr và cháu B cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu, kể từ nay cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét đây là ý trí tự nguyện của anh Kh và chị H, nên cần chấp nhận.

[4] Về con riêng; tài sản chung, riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp và công nợ: Cả hai cùng thống nhất xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Do Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn, nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1.1 Điều 1 mục II phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử lý hôn giữa anh Trần Văn Kh và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con cái: Giao cháu Trần Kiều Hoa M, sinh ngày 26/01/2009 cho anh Trần Văn Kh được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao các cháu Trần Kiều Tr, sinh ngày 12/8/2006 và Trần Gia B, sinh ngày 29/9/2013 cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Kể từ nay cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Văn Kh phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đồng anh Kh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001281 ngày 01/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim

Bảng, anh Kh đã nộp đủ tiền án phí. Chị H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Trần Văn Kh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã N;
- Công TTĐT của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ vụ án + văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Quang Minh